

監理団体・実習実施機関の皆様へ

本冊子は技能実習生・研修生向けに技能実習生活に役立つ情報等を母国語（8ヶ国語）と平易な日本語の併記により紹介していますので、技能実習生・研修生等に配布・回覧していただきますようお願いいたします。

技能実習生・研修生向け母国語情報誌

技能実習生の友

2017年
10月号

ABC Technical Intern Trainees' Mate

Sahabat Peserta Pemagangan

Bạn Của Thực Tập Sinh Kỹ Năng

วารสารมิตรผู้ฝึกปฏิบัติงานด้านเทคนิค

Kaibigan ng mga teknikal intern trainees

មិត្តរស់សិក្ខាកាមបណ្តុះបណ្តាលជំនាញ

အတတ်ပညာကျွမ်းကျင်မှု အလုပ်သင်များ၏ မိတ်ဆွေ

技能実習生之友



今日は会社のハロウィンパーティー！

中国からの技能実習生5人が、通訳なしで仕事がきちんとできるようになり、通訳担当の女性もひと安心です。

(竜ヶ崎フードワークス株式会社)

表紙に写真を載せませんか？ 詳しくはJITCOホームページ

技能実習Daysで <http://www.jitco.or.jp/>

Contents

PICK UP!

技能実習情報

「第25回外国人技能実習生・研修生日本語作文コンクール」入賞者のお知らせ

PICK UP!

充実ニッポンLife

『日本の生活案内』から ゴミの出し方
マンガで知ろう 日本人のルール お金は大事

日本と世界の理解を深めよう……1
レジャー施設、投資拡大 少子化でも？

Bersyon sa Pilipino …… 19
[フィリピン語版]

English Version …… 3
[英語版]

ភាសាខ្មែរ …… 23
[カンボジア語版]

Edisi Bahasa Indonesia …… 7
[インドネシア語版]

မြန်မာဘာသာ …… 27
[ミャンマー語版]

Bản tiếng Việt …… 11
[ベトナム語版]

中文版 …… 31
[中国語版]

ฉบับภาษาไทย …… 15
[タイ語版]

日本の小学生向け日本語問題に楽しくチャレンジ！
こくごのもり …… 34
一週間の漢字

経済

レジャー施設、投資拡大 少子化でも？

各地の遊園地やレジャーランドが、新しいアトラクションや設備を増やしています。日本は少子化ですが、外国人や高齢者の利用が増えているため、もっとお客さんと呼ぼうと頑張っています。

東京ディズニーリゾート（千葉県浦安市）は2020年度までに2000億円をかけて大型のアトラクションを造ります。5月、ディズニーシーに劇場型アトラクション「ニモ&フレンズ・シーライダー」がオープンしました。ユニバーサル・スタジオ・ジャパン（USJ、大阪市）も4月に「ミニオン・パーク」を開設。人気ゲームキャラクター「マリオ」などをテーマにした新エリアを500億円かけて工事中で、20年の完成を目指しています。

ハウステンボス（長崎県佐世保市）は、3月にバーチャルリアリティー（VR）技術を使った映像アトラクションを17種増やしました。ムーミンのテーマパーク「メツァ」は18年秋に埼玉県飯能市で一部開業予定です。

高齢者や外国人も

日本生産性本部の「レジャー白書」によると、入場料など遊園地やレジャーランドの売り上げの全体（市場規模）は15年、7640億円で過去最高でした。高齢者も含めた3世代や外国人旅行者が、各地の施設を楽しんでいるそうです。

Economy

Increasing Investment in Leisure Facilities Even Amid a Decrease in the Number of Children?

Amusement parks and recreation centers throughout Japan are augmenting their facilities with new attractions and entertainment. Japan is experiencing a decline in the number of children born, but the parks and centers are focusing on the increasing numbers of foreign visitors and elderly people, and are making various efforts to call in more customers.

Tokyo Disney Resort (Urayasu city, Chiba prefecture) will be spending 200 billion yen to build a new, large-scale attraction by fiscal 2020. Disney Sea launched a new theatrical attraction called "Nemo & Friends SeaRider" in May. Universal Studios Japan (USJ; Osaka city) opened "Minion Park" in April, and is presently building a new area themed on the popular game character "Mario" at a cost of 50 billion yen, slated to be completed in 2020.

Additionally, Huistenboch (Sasebo city, Nagasaki prefecture) introduced seventeen new video attractions in March that utilize virtual reality (VR) technology, and Moomin theme park Metsä in Hanno city, Saitama prefecture, is scheduled to make a soft opening in autumn 2018.

Elderly people and foreign visitors

According to the White Paper on Leisure published by the Japan Productivity Center, amusement parks and recreation centers as a whole (market size) generated 764 billion yen in total revenue through admission fees and other proceeds in 2015, marking a record high. It appears that family groups of three generations (ones that include elderly members), and foreign visitors are enjoying leisure facilities throughout Japan.

Ekonomi

Investasi terhadap Fasilitas Hiburan Meningkat, padahal Populasi Anak Berkurang

Taman hiburan dan taman rekreasi yang berada di setiap daerah, sedang menambahkan wahana ataupun fasilitas baru. Di Jepang, populasi anak berkurang, tetapi mereka bersemangat untuk menarik lebih banyak pengunjung, dikarenakan jumlah pengguna orang asing dan orang lansia semakin meningkat.

Tokyo Disney Resort (Urayasu, Chiba) akan membuat wahana besar baru sebelum TF 2020 dengan investasi 200 miliar yen. Pada bulan Mei, sebuah wahana tipe teater "Nemo & Friends SeaRider" telah dibuka di DisneySea. Sedangkan, di Universal Studios Japan (USJ, Osaka) juga telah dibuka "Minion Park" pada bulan April. Selain itu, juga proyek untuk membangun area baru yang bertema "Mario" yang dikenal sebagai sebuah tokoh game populer berjalan dengan biaya 50 miliar yen, dan area tersebut akan selesai dibangun pada tahun 2020.

Di Huis Ten Bosch (Sasebo, Nagasaki) telah diluncurkan 17 jenis wahana tayangan yang memanfaatkan teknologi virtual reality (VR) pada bulan Maret. Selain itu, "metsa" sebuah taman hiburan yang bertema Moomin, sebagiannya akan dibuka pada musim gugur 2018 di Hanno, Saitama.

Berkat Orang Lansia dan Orang Asing

Menurut "Buku Putih Rekreasi" oleh Japan Productivity Center (Pusat Produktifitas Jepang), total penghasilan (sekala pasar) dari taman hiburan dan taman rekreasi (biaya masuk dll.) pada tahun 2015 telah mencapai 764 miliar yen, dan hal ini tercatat sebagai rekor tertinggi untuk selama ini. Menurutnya baik keluarga 3 generasi termasuk orang lansia maupun wisatawan asing menikmati fasilitas tersebut di setiap daerah.

Kinh tế

Đầu tư cơ sở giải trí tăng mặc dù tỷ lệ sinh đẻ giảm?

Trên khắp nước Nhật, đầu tư vào xây dựng những cơ sở giải trí, công viên giải trí mới đang gia tăng. Tỷ lệ sinh đẻ ở Nhật tuy giảm nhưng Nhật đang nhắm tới việc thu hút khách hàng là người lớn tuổi và du khách nước ngoài.

Công viên giải trí Tokyo Disneyland (Thành phố Urayasu, tỉnh Chiba) dự định cho tới năm 2020 sẽ đầu tư khoảng 200 tỷ yên để xây dựng khu trò chơi cỡ lớn. Tháng 5 vừa qua, Disneysea vừa cho khánh thành một trò chơi mới dưới dạng sân khấu có tên gọi "Nimo and Friends, Sea Rider". Tháng 4 năm nay, Universal Studio Japan (USJ, thành phố Osaka) cũng đã khánh thành khu vui chơi Minion Park. Công ty cũng đầu tư 50 tỷ yên để xây dựng khu vui chơi mới với chủ đề là nhân vật nổi tiếng "Mario" trong trò chơi điện tử. Khu vực này dự kiến sẽ hoàn tất vào năm 2020.

Công viên giải trí Huis Ten Bosch (Thành phố Sasebo, tỉnh Nagasaki) vào tháng 3 năm nay đã tăng thêm 17 khu vực vui chơi sử dụng kỹ thuật thực tế ảo (Virtual Reality). Công viên giải trí về Thung lũng Moomin có tên gọi Metsa, tại thành phố Hanno, tỉnh Saitama, dự định sẽ khai trương một phần vào mùa Thu năm sau.

Cả người cao tuổi và du khách nước ngoài

Theo "Sách trắng về Giải trí" của Trung tâm Năng suất Nhật Bản, toàn bộ doanh thu từ vé vào cửa của các công viên giải trí và các cơ sở vui chơi (toàn thị trường) trong năm 2015 đạt 764 tỷ yên, cao nhất từ trước tới nay. Theo báo cáo này thì các gia đình 3 thế hệ (trong đó có người cao tuổi) cũng như du khách nước ngoài cũng sử dụng các khu vui chơi trên toàn quốc.

Market size of amusement parks and recreation centers

Perubahan sekala pasar taman hiburan dan taman rekreasi

Tình hình thị trường giải trí/công viên giải trí

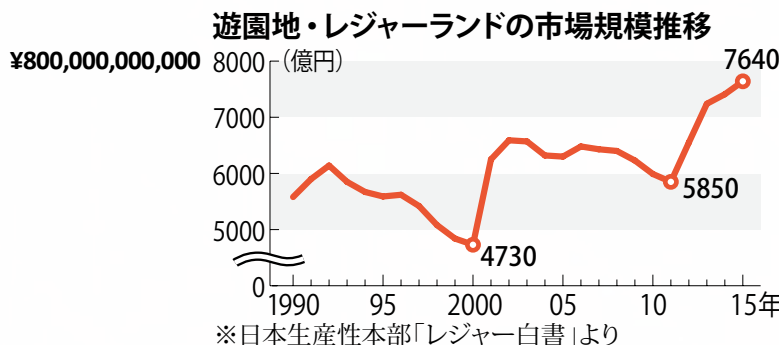
การเปลี่ยนแปลงตลาดของสวนสนุก สถานที่ท่องเที่ยว

Trends sa market size amusement parks at mga leisure lands

ઉંઝુવુવઉં

ဝုန်းခြံ/အဝုန်းပြေဝုန်း ဈေးကွက်ဝဟထ အပြောင်းအလဲ

游乐园·休闲娱乐场所的市場規模推移



このコーナーの記事・写真は「毎日小学生新聞」から提供されています。複製、転用はできません。

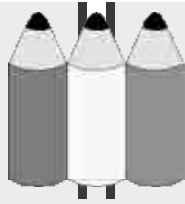
The above article and photo were made available by Mainichi Shogakusei Newspaper. They may not be copied or re-distributed in any form.

Artikel dan gambar di sudut ini disediakan oleh "Surat Kabar Mainichi Shogakusei". Dilarang menyalin dan mengalihkannya.

Những bài viết, ảnh trong mục này do báo "Mainichi Sogakusei" cung cấp. Nghiêm cấm việc đưa lại hoặc sao chép.

ぎ の う じ ッ シ ュ じ ョ ウ ほう
技能実習情報
 ព័ត៌មានបណ្តុះបណ្តាលជំនាញ

លទ្ធផលអ្នកទទួលរង្វាន់ «ការប្រកួតប្រជែងតែងសេចក្តី
 ជាភាសាជប៉ុនសំរាប់សិក្ខាកាមបណ្តុះបណ្តាលជំនាញ
 និងសិក្ខាកាមបំពាក់បំប៉នបច្ចេកទេសលើកទី25»



だい かいがいこくじんぎのうじっしゅうせい
「第25回外国人技能実習生・
研修生日本語作文コンクール」
 けんしゅうせいにほんごさくぶんこんくーる
入賞者のお知らせ
 にゅうしゅうしや し

យើងសូមថ្លែងអំណរគុណចំពោះការដាក់ពាក្យយ៉ាងច្រើនមកកាន់កម្មវិធី
 «ការប្រកួតប្រជែងតែងសេចក្តីជាភាសាជប៉ុនសំរាប់សិក្ខាកាមបណ្តុះបណ្តាលជំនាញ
 និងសិក្ខាកាមបំពាក់បំប៉នបច្ចេកទេសលើកទី 25» នេះ។
 យើងបានធ្វើការជ្រើសរើសក្រោមការពិនិត្យយ៉ាងតឹងរឹងបំផុតចំពោះកញ្ចប់
 ២៨នាក់ (រង្វាន់ល្អប្រសើរ 4 នាក់ រង្វាន់ល្អណាស់ 4 នាក់ និង រង្វាន់ល្អ 20
 នាក់) ពី 2,636 ស្នាដៃ។
 ស្នាដៃដែលទទួលរង្វាន់ទាំងឡាយត្រូវបានចងក្រងជា «បណ្តុំស្នាដៃ
 ល្អ» ហើយធ្វើការចែកចាយនៅតាមកម្មវិធីផ្លាស់ប្តូរនានារបស់ JITCO ។
 អ្នកក៏អាចស្វែងរកនៅលើគេហទំព័ររបស់ JITCO ផងដែរ។

🌐 http://www.jitco.or.jp/nihongo/25tokushu_sakubun.html

◆រង្វាន់ល្អប្រសើរ (4 នាក់)

- CATALAN ROLAND GUNDRAN 『カタルーニャの踊り』 (ហ្វ្រាំងស៊ែ)
- NGUYEN VAN TAM 『清い水』 (វៀតណាម)
- QU YAN PIN 『静かなる朝』 (ចិន)
- GANBAATAR ZOLZAYA 『静かなる朝』 (ម៉ុងហ្គោលី)

◆រង្វាន់ល្អណាស់ (4 នាក់)

- GENDENSUREN AZZAYA 『静かなる朝』 (ម៉ុងហ្គោលី)
- THIT THIT SWE 『静かなる朝』 (មីយ៉ាន់ម៉ា)
- TANG YU LAN 『静かなる朝』 (ចិន)
- VO THI PHUONG TRANG 『静かなる朝』 (វៀតណាម)

◆រង្វាន់ល្អ (20 នាក់)

- NGUYEN THI HONG LOAN 『静かなる朝』 (វៀតណាម)
- LAYWI AGUNG NUGROHO 『静かなる朝』 (ឥណ្ឌូនេស៊ី)
- LE NGOC GIAU 『静かなる朝』 (វៀតណាម)
- BADAMJAV ODONCHIMEG 『静かなる朝』 (ម៉ុងហ្គោលី)
- HUANG SHU JUAN 『静かなる朝』 (ចិន)
- LE THI YEN 『静かなる朝』 (វៀតណាម)
- PHAN THI THUONG 『静かなる朝』 (វៀតណាម)

この度は「第25回外国人技能実習生・研修生日本語
 作文コンクール」にたくさんのご応募をいただきありが
 とうございました。2,636編の作品の中から、厳正な審査
 の結果、28名の入賞者（最優秀賞4名、優秀賞4名、
 優良賞20名）を決定いたしました。

入賞作品は「優秀作品集」としてとりまとめて、JITCO
 交流大会等でお配りしています。JITCOのホームページ
 でも公開していますので、是非ご覧ください。

🌐 http://www.jitco.or.jp/nihongo/25tokushu_sakubun.html

◆最優秀賞 (4名)

- カタラン ロランド グンドラン『世界で一番すばらしいプレゼント』 (フィリピン)
- グエン ヴェン タム『メロディのなる信号』 (ベトナム)

- 屈 艳品『ある日交差点から見えた日本社会』 (中国)
- ガンバートル ゴルザヤ『心優しい日本』 (モンゴル)

◆優秀賞 (4名)

- ゲンデンスレン アズザヤ『親の愛』 (モンゴル)
- テツ テツ スエ『日本にきた目的』 (ミャンマー)
- 唐 雨兰『出会い』 (中国)
- ヴォ ティ フォン チャン『仕事に対する心構え』 (ベトナム)

◆優良賞 (20名)

- グエン ティ ホン ロアン『日本の太鼓』 (ベトナム)
- ライウイ アグン ヌグロホ『ハッピー ニューイヤ』 (インドネシア)
- レー ゴック ジャウ『私が日本語を学ぶ理由』 (ベトナム)
- バダムジャブ オドンチメグ『大事なものは考える事。』 (モンゴル)
- 黄 叔娟『私は機械作業です』 (中国)
- レー ティ イエン『幸せの教訓』 (ベトナム)
- ファン ティ トウオン『日本人の素晴らしいところ』 (ベトナム)

- > DO THUY DUONG 『មួយជីវិតមានតែម្តង』 (រៀនសូត្រ)
- > SHAN XU 『កំលាំងចិត្តមិនលះបង់』 (ចិន)
- > NGUYEN THI KHUYEN 『ការកែប្រែខ្លួនឯង!』 (រៀនសូត្រ)
- > LA VAN HANH 『ចង់ប្រាប់រឿងដែលមិនគួរអោយជឿ』 (រៀនសូត្រ)
- > MAGNAIBAYAR ULZIIMAA 『សូត្រដំបូន្មាន』 (ម៉ុងហ្គោលី)
- > LENH THI HAI 『ដើមប៉េងប៉ោះ』 (រៀនសូត្រ)
- > SU MEI XIA 『មិត្តភាព』 (ចិន)
- > LI SHENG JUN 『ខ្ញុំឆ្នាំ 2016』 (ចិន)
- > CUI XIAOLING 『សុខភាពល្អជាប្រភពនៃភាពរីករាយ』 (ចិន)
- > TONG BA CUONG 『ប្រទេសដំបូន្មានស្រស់ស្អាត』 (រៀនសូត្រ)
- > HOANG THI HUONG 『បាច់ផ្កាកូលាប』 (រៀនសូត្រ)
- > GAN LI JING 『មាតុភូមិនៃផ្កាសាគុរ៉ា · ទេសចររោះដូង』 (ចិន)
- > TRAN THI KIM OANH 『ខ្ញុំមកប្រទេសដំបូន្មានធ្វើការ...』 (រៀនសូត្រ)

★សូមអបអរសាទរអ្នកទាំងអស់គ្នាដែលបានទទួលរង្វាន់★

- > ドー トウイ ズオン『一期一会』(ベトナム)
- > 単 旭『諦めない気持ち』(中国)
- > グエン ティ クエン『自分を変える!』(ベトナム)
- > ラー ヴァン ハイ『信じられないでき事を伝えた』(ベトナム)
- > マグナイバヤル ウルジーマー『こんにちは日本』(モンゴル)
- > レン ティ ハイ『トマトの木』(ベトナム)
- > 苏 美霞『友情』(中国)
- > 李 圣军『私の2016年』(中国)
- > 崔 小灵『健康だからこそこの喜び』(中国)
- > トン バー クオン『綺麗な日本』(ベトナム)
- > ホアン ティ フーン『ばらの花束』(ベトナム)
- > 干 丽静『桜の故郷・心の旅』(中国)
- > チャン ティ キム オアン『私が日本に来て働いて...』(ベトナム)

★入賞された皆様、おめでとうございます★

សូមប្រយ័ត្នចំពោះការចោលសំរាម

កាកសំណល់ដែលបញ្ចេញពីតាមផ្ទះនឹងត្រូវបានគេកំទេចចោលដោយចាត់ទុកថាជាសំរាម។ ប៉ុន្តែ នៅដំបូន្មាន ដើម្បីកំទេចសំរាមអោយបានល្អនូវហើយអាចកែច្នៃឡើងវិញបាន និង អាចប្រើជាធនធានបាន ស្ទើរតែតាមភូមិ ឃុំ ក្រុង ទាំងអស់បានកំណត់វិន័យនៃការចោលសំរាម ហើយប្រជាជននៅតាមតំបន់ទាំងឡាយធ្វើការសហការណ៍និងគោរពតាមវិន័យដែលបានកំណត់នោះយ៉ាងល្អ។ វិន័យទាំងនោះមានលក្ខណៈខុសគ្នាបន្តិចបន្តួចទៅតាមតំបន់ ប៉ុន្តែសិទ្ធិកាមបណ្តុះបណ្តាលជំនាញទាំងឡាយ ដាច់ខាតត្រូវគោរពតាមអោយបានខ្ជាប់ខ្ជួន។

ការមិនគោរពវិន័យ អាចធ្វើអោយប៉ះពាល់ដល់មនុស្សជាច្រើន ដូច្នោះត្រូវស្វែងយល់អោយច្បាស់អំពី ①វិធីចោល ②ប្រភេទសំរាម ③កន្លែងចោល ④ថ្ងៃនិងម៉ោងចោល ពីគ្រូណែនាំជីវភាពរស់នៅរបស់អ្នក។

តំបន់នីមួយៗមានចំនួនដង ថ្ងៃចោល និង វិធីចោលខុសៗគ្នា។ សូមទៅទទួលភារកិច្ចប្រមូលសំរាមតាមប្រភេទ នៅសាលាក្រុងជាដើម។

អាស្រ័យទៅតាមភូមិ ឃុំ ក្រុង នីមួយៗ តំបន់ខ្លះមានដាក់លក់ថង់សំរាមច្រកសំរាមទៅតាមប្រភេទសំរាមដុតឆេះ សំរាមដុតមិនឆេះ ជាដើម។

ដូច្នោះ សូមរកមើលព័ត៌មាននៅតាមសាលាក្រុងនីមួយៗ។

សូមស្វែងយល់នៅទំព័រខាងក្រោម (ជីវិតដែលមានអត្ថន័យនៅដំបូន្មាន) ដែលនិយាយអំពីឧទាហរណ៍នៃវិធីចោលសំរាមរបស់ទីក្រុងមួយ។

気を付けよう、ゴミの出し方

各家庭から出る不要物はゴミとして処分されますが、日本ではゴミ処理の円滑化、再利用・再資源化のために、ほとんどの市町村で一定のルールが定められており、市民はそれに協力しています。市町村によりそのルールは多少相違していますが、技能実習生の皆さんも市民の1人としてそのルールに従わなければなりません。

ルールを破ると多くの人が迷惑を受けますので、生活指導員に①ゴミの出し方、②分別する種類、③出す場所、④出す日時をよく教わり、必ず守るようにしてください。

地域によって、ゴミを出す回数や曜日、分別方法が異なります。市役所等で分別ゴミの収集日表をもらいましょう。

なお、各市町村によっては、燃やせるゴミ、燃やせないゴミなどを収集するため専用のゴミ袋を有料で販売している自治体もありますので、各市役所で確認してください。

ある都市のゴミ処理のルールを次ページからの(充実ニッポンLife)に掲げておきますので参考にしてください。

カンボジア語版

ជកស្រង់ពី 『សេចក្តីណែនាំអំពីការរស់នៅប្រទេសជប៉ុន』

『日本の生活案内』から

យើងសូមលើកយកវិធីចោលសំរាមនៅទីក្រុងមួយដែលមានចេញផ្សាយនៅក្នុង 『សេចក្តីណែនាំអំពីការរស់នៅប្រទេសជប៉ុន』 ដើម្បីទុកជាឯកសារយោង។ វិធីចោលសំរាមពិតប្រាកដនៅតាមតំបន់នីមួយៗគឺខុសគ្នា។ សូមពិនិត្យនៅតាមកន្លែងដែលអ្នករស់នៅ។

『日本の生活案内』に収録している、ある都市のゴミ処理のルールを参考までに記載します。実際のごみ処理のルールは地域によって異なりますので必ず自分の住む地域のルールを確認してください。

វិធីចោលសំរាម

- (1) សំរាមត្រូវយកទៅចោលនៅកន្លែងដែលបានកំណត់ ពីពេលព្រឹកព្រលឹមរហូតដល់ម៉ោង 8:30 នាទីព្រឹក នៅថ្ងៃប្រមូលដែលត្រូវបានកំណត់។
- (2) សំរាមតាមផ្ទះគឺត្រូវបានបែងចែកជា 6 ប្រភេទដូចតទៅនេះ៖
 - ① សំរាមដុតឆេះ
 - ② សំរាមដុតមិនឆេះ
 - ③ សំរាមធនធាន
 - ④ សំរាមគ្រោះថ្នាក់
 - ⑤ សំរាមធំៗ
 - ⑥ សំរាមមិនអាចប្រមូលបាន



① សំរាមដុតឆេះ
[ប្រភេទសំរាម]
សំរាមនៅចង្ក្រានបាយ (កំទេចសំឡី បាយសល់ សំបកផ្លែឈើ កំទេចតែ សំបកស្លឹក កំទេចបន្លែជាដើម) កំទេចកន្ទុយបារី កំទេចក្រដាស ចង្ក្រាន កាប ចង្កាក់ ប្រអប់ក្រដាស រុក្ខជាតិ ស្លឹកឈើជ្រុះ សំរាមម៉ាស៊ីនបូមដី ផលិតផលស្បែក, បំណែកឈើសល់ពីការធ្វើដោយខ្លួនឯង សំភារៈរដូវ ខោទឹកនោមជាដើម។
[ប្រការត្រូវចាំ]

- a. ពេលចោលសំរាម ត្រូវដាក់វាចូលក្នុងថង់ប៊ូលីអេទីឡែនឬថង់ប្លាស្ទិចដែលមានលក់នៅតាមផ្សារ រួចចងមាត់វាអោយជាប់មុននឹងចោល។
- b. ចំពោះសំរាមនៅចង្ក្រាន ត្រូវពូតវាអោយអស់ជាតិទឹក រួចខ្ទប់នឹងក្រដាសកាសែត ហើយដាក់ក្នុងថង់សំរាម។
- c. ចំពោះកំណាត់ឈើ ឬ មែកឈើដាំ ត្រូវកាត់ជាចំណែកតូចៗប្រវែងប្រមាណ 50 cm រួចចងជាចាប់មុននឹងយកទៅចោល។

② សំរាមដុតមិនឆេះ
[ប្រភេទសំរាម]
សំភារៈប្លាស្ទិច (សាប៊ូ កំប៉ុងសាប៊ូបោកគក់ ប្រអប់ខ្ទប់ចំណីអាហារ ប្រដាប់ក្មេងលេងជាដើម) សំភារៈធ្វើពីប៊ូលីអេទីឡែន សំភារៈប្លាស្ទិច ផលិតផលនីឡុង ស្ពោពពួកដី (ស្បែកជើងហាត់ប្រណាំង ស្បែកជើងកង់ ស្បែកជើងភ្នាក់ងារជាដើម) ផលិតផលល្បាយពីស្បែក ពពួកដីឥដ្ឋ ឡូមកោពុកមាត់ អំពូល កញ្ចក់ ដបគ្រឿងសំអាង ដបថ្លា ឆីត្រ កៅស៊ូអង្កុយ ឆ្នាំង កំប៉ុងស្រ្តុយ កំប៉ុងថ្នាំលាបជាដើម។
[ប្រការត្រូវចាំ]

- a. សំរាមដុតមិនឆេះត្រូវដាក់ចូលក្នុងថង់ប៊ូលីអេទីឡែនឬថង់ប្លាស្ទិច រួចយកទៅចោល។
- b. វត្ថុដែលមិនអាចដាក់ចូលថង់បាន ត្រូវដាក់មួយកន្លែងកុំអោយរាយប៉ាយពេលចោល។
- c. កំប៉ុងស្រ្តុយអាចផ្ទុះបាន ដូច្នេះពេលចោលត្រូវយកប្លាស្ទិចនៅខាងក្នុងចេញអោយអស់សិន។
- d. បើសិនចោលកំបិតឬឡូមកោពុកមាត់ដែលអាចបណ្តាលអោយមានគ្រោះថ្នាក់ ត្រូវខ្ទប់វាជាមួយក្រដាសកាសែតដោយមានបិតស្លាក "キケン" (គ្រោះថ្នាក់) ហើយដាក់ចូលក្នុងថង់ប្លាស្ទិចរួចចោល។

③ សំរាមធនធាន
[ប្រភេទសំរាម]
ពពួកក្រដាស (ក្រដាសកាសែត ក្រដាសផ្សាយពាណិជ្ជកម្ម ក្រដាសខ្ទប់ ទូរខោអាវ ទូរស្តែកជើង ទូរទេ ឡឡាំងក្រដាសជាដើម) ខោអាវ (ខោអាវ ខោអាវចាស់ៗ) កំប៉ុងទេ ត្រាបៀរ ត្រា គ្រឿងភេសជ្ជៈ ត្រីខកំប៉ុង ដបទឹកដោះគោជាដើម) បំណែកកញ្ចក់ ដប ចានឆ្នាំង (ខ្លះ ឆ្នាំងដី កំសៀវ កំទេចដែក កង ទូរដែកជាដើម) គ្រឿងអគ្គិសនីតាមផ្ទះ (ទូរទស្សន៍ ម៉ាស៊ីនបោកគក់ ទូរទឹកកក ម៉ាញ៉េ ចង្ក្រាន ចង្ក្រានប្លាស្ទិច របស់មួយចំនួនដែលចោលគិតលុយ) ពួកក្លាយជាដើម។
[ប្រការត្រូវចាំ]

- a. កំប៉ុងឬដបត្រូវដាក់ចូលក្នុងថង់ប៊ូលីអេទីឡែនឬថង់ប្លាស្ទិចមុននឹងចោល។
- b. ក្រដាសឬសៀកបំពាក់ត្រូវចងខ្សែខ្លាំង កុំអោយទទឹកទឹកភ្លៀង។

ゴミの出し方

- (1) ゴミは、必ず決められた収集日の早朝から午前8時30分までに、それぞれ決められた場所に出す。
- (2) ゴミは、それぞれの家庭で次の6種類に分類する。
 - ① 燃やせるゴミ
 - ② 燃やせないゴミ
 - ③ 資源ゴミ
 - ④ 有害ゴミ
 - ⑤ 粗大ゴミ
 - ⑥ 収集できないゴミ

① 燃やせるゴミ
[ゴミの種類]
台所のゴミ (料理クズ、残飯、果物の皮、お茶ガラ、卵のカラ、野菜クズ等)、タバコの吸殻、紙くず、割りばし、竹串、紙パック、草木、落ち葉、掃除機のチリ、本革製品、日曜大工で出た木片、生理用品、紙おむつ等



- [注意事項]
- a. ゴミを出すときは、市販されているポリ袋またはビニール袋に入れ、口の部分を縛って出す。
 - b. 台所のゴミは、水分をよく切って新聞紙などに包んでから袋に入れる。
 - c. 木片、植木の枝などは、50cmくらいに切って、紐で束ねてから出す。

② 燃やせないゴミ
[ゴミの種類]
プラスチック製品 (シャンプー、洗剤の容器、食品用パック、玩具等)、ポリ製品のビン、ナイロン製品、発泡スチロール、ゴム類 (運動ぐつ、長ぐつ、サンダル等)、合成皮革製品、陶磁器類、カミソリの刃、電球、鏡、化粧ピン、クリスタルガラス、傘、座椅子、ポット、スプレー缶、塗料缶等



- [注意事項]
- a. 燃やせないゴミは、ポリ袋またはビニール袋に入れて出す。
 - b. 袋に入らない大きな物は、散乱しないようにして出す。
 - c. スプレー缶は、爆発する危険があるので、内部のガスを完全に抜いてから出す。
 - d. カミソリの刃等の危険物を出す場合は、新聞紙等に包んで“危険”と表示し、ビニール袋に入れて出す。

③ 資源ゴミ
[ゴミの種類]
紙類 (新聞紙、チラシ、包装紙、洋服箱、靴箱、空箱、ダンボール等)、衣類 (衣類、ボロ布)、空缶 (ビール、酒、清涼飲料水、缶詰、牛乳ビン等)、割れたガラス、ビン、食器類 (ナベ、カマ、ヤカン、鉄クズ、自転車、スチール家具等)、家庭電化製品 (テレビ、洗濯機、冷蔵庫、ステレオ、ストーブ、ガスコンロ等、一部引取が有料のものもあります)、布団等



- [注意事項]
- a. 缶やピンは、ポリ袋またはビニール袋に入れて出す。

『日本の生活案内』は、技能実習生が日本の生活にいち早く慣れ、快適な生活を送れるよう、さまざまな情報を収録したJITCO刊行の書籍です。
 『សេចក្តីណែនាំអំពីការរស់នៅរប្រទេសជប៉ុន』 ចេញផ្សាយដោយ JITCO មានផ្នែកព័ត៌មានផ្សេងៗជួយសិក្ខាកាមបណ្តុះបណ្តាលជំនាញអោយតាមសំបុត្រទៅទីតាំងកំណត់ជប៉ុន។



- c. ដបប្រក់ប៉ុងត្រូវលាងទឹកស្អាតសិនមុននឹងចោល។
- d. កញ្ចក់ដែលបែកត្រូវរុំក្រដាសកាសែតដោយសរសេរ 「ガラス ケケン」 (ប្រយ័ត្នកញ្ចក់) នៅលើផ្ទៃ។

④ សំរាមគ្រោះថ្នាក់
 (ប្រភេទសំរាម)

ថ្មីស្ងួត អំពូលម៉ែត្រ ប្រដាប់វ៉ាស់កំដៅខ្លួន
 (ប្រភេទគ្រោះថ្នាក់)

- a. ត្រូវដាក់ចូលថង់ប្លាស្ទិកឡើយមុននឹងចោល
- b. សរសេរលើថង់ 「ユウガイ ゴミ」 (សំរាមគ្រោះថ្នាក់) រួចយកចោល។
- c. ប្រយ័ត្នកុំអោយច្រលំជាមួយនឹងសំរាមធរណីមាត្រ។
- d. ថ្មីពិលគឺមានផ្ទុកសារធាតុមានគ្រោះថ្នាក់ដូចជាបារ៉ាតេស៊ីត ឬជាដើម ដូចនេះត្រូវចោលវាដោយដាក់ក្នុងថង់ជ្រាមតាមច្បាប់ ឬដោយយោងតាមការណែនាំរបស់អាជ្ញាធរ។

⑤ សំរាមធំៗ
 (ប្រភេទសំរាម)

ពពួកសំភារៈសង្ហារឹមផ្ទះ (តុឈើ កៅអីឈើ ទូរដាក់ខោអាវ កញ្ចក់បញ្ជ្រូ ត្រែកំរាលប្រាំ ពួកជាដើម) ពពួកគ្រឿងសាងសង់ (ទ្វារ ទ្វារបិទបែបជប៉ុនជាដើម)

(ប្រភេទគ្រោះថ្នាក់)

- a. ករណីទិញគ្រឿងសាងសង់ថ្មី សូមអោយអ្នកលក់យកអាចាស់វិញ។
- b. ផលិតផលឈើដែលអាចបំបែកបានក្នុងមុំ 50 cm ត្រូវចងជាបាច់ ហើយចោលនៅថ្ងៃជាមួយសំរាមដុតឆេះ។
- c. សំរាមធំៗត្រូវយកទៅដាក់នៅមាត់ទ្វារបូកនៃផ្ទះដែលឡាន(ទំហំ ២ តោន) អាចចូលបាន។
- d. អាចហៅអោយគេមកយកផលិតផលបាន។ ចំពោះវត្ថុខ្លះ អាចត្រូវបានគេដកយកកម្មវិធីប្រមូល។

⑥ សំរាមមិនអាចប្រមូលបាន
 (ប្រភេទសំរាម)

ម៉ូតូ តាតាមី កង់ឡាន ប្រេងខ្មៅដែលបោះចោលជាដើម

- b. 紙類、衣類は、種類別に十文字に縛り、雨に濡れないように工夫して出す。
- c. ビン、缶は一度水洗いしてから出す。
- d. 割れたガラスは、新聞紙等で包んで、ゴミ袋に「ガラス 危険」と表示して出す。

④ 有害ゴミ
 (ゴミの種類)

乾電池、蛍光灯、体温計
 (注意事項)

- a. ポリ袋またはビニール袋に入れて出す。
- b. 袋に「有害ゴミ」と明記して出す。
- c. 資源ゴミと混じらないように注意して出す。
- d. 電池は有機水銀など有害物質が含まれているので、中身が見える袋に入れて、決められた捨て方をする。



⑤ 粗大ゴミ
 (ゴミの種類)

家具類 (木製の机、木製のイス、タンス、鏡台、ベッド、ジュタン、カーペット、マットレス等)、建具類 (ドア、フスマ等)

(注) 粗大ゴミとは、上記のような物で、ほぼ1㎡以上のものをいいます。

(注意事項)

- a. 建具等を買替えた場合は、買った業者に引き取ってもらう。
- b. 木製品で壊せるものは50cm角以内に束ねて燃やせるゴミの日に出す。
- c. 粗大ゴミは玄関先または車(2t車)の入れる場所に出す。
- d. 電話による申込制です。品物によっては回収手数料を徴収される場合があります。

⑥ 収集できないゴミ
 (ゴミの種類)

バイク、畳、タイヤ、廃油等

マンガで知ろう 日本人のルール
 ស្គាល់ពីវិន័យជនជាតិជប៉ុនតាមរយៈម៉ាន់ហ្គ៉ា

お金は大事 លុយមានសារៈសំខាន់ណាស់

① ពេលជប់លៀង
 សប្បាយចិត្តណាស់! ថ្ងៃនេះបានប្រាក់ខែដំបូងដែលទន្ទឹមរង់ចាំជាយូរមកហើយ!!

② បាទ!!

④ អ្នកទាំងពីរមិនត្រូវខ្លះខ្លាយវាឡើយ! ហើយ ត្រូវចាំថាប្រាក់ខែមិនមែនបានមកពីខ្ញុំទេ គឺបានមកពីអតិថិជនរបស់យើង!



③ សូមអរគុណ លោកនាយក Erahari ដែលបានផ្តល់ប្រាក់ខែអោយយើង!

まるい ぼうず だいじ き
 丸井さんと棒須くん、大事なことに気がきました。

លោក Marui និង លោក Bouzu បានស្វែងយល់អំពីរឿងមួយដែលពោរពេញដោយខ្លឹមសារ

カンボジア語版

監理団体・実習実施機関の皆様へ

本冊子「技能実習生の友」は、JITCOの技能実習生・研修生に対する母国語による情報提供の一環として、偶数月1日に発行しています。中国語版およびインドネシア語版、ベトナム語版、タイ語版、フィリピン語版、カンボジア語版、ミャンマー語版、英語版の合本版となっており、掲載内容は、平易な文章によるニュース・トピックス、外国人技能実習制度に関連する情報の解説や技能実習生活に役立つ情報、技能実習生のリフレッシュとなる記事等から構成されています。

本冊子は、JITCO賛助会員に対するサービスとして、賛助会員の全ての監理団体・実習実施機関の皆様へ直接送付いたしております。技能実習生・研修生へ、必ず配布・回覧等をしていただきますよう、よろしくお願い申し上げます。また本冊子の過去の記事や技能実習生に役立つ情報を満載したウェブサイト版「技能実習生の友」も、併せてご利用ください。

本冊子は、技能実習や研修及び日常生活に有用な情報を皆さんに発信することを目的に、偶数月（4月・6月・8月・10月・12月・2月）1日に発行しています。ウェブサイト版「技能実習生の友」と併せてご利用ください。

This newsletter is issued on the first of even month (April, June, August, October, December, February) to provide useful information on technical intern training and daily living in Japan. Please also visit the Website version of "Technical Intern Trainees' Mate."

Buletin ini diterbitkan setiap tgl 1 bulan genap (April, Juni, Agustus, Oktober, Desember, Februari), dengan tujuan untuk menyampaikan berbagai info yang bermanfaat bagi pemagangan, pelatihan maupun kehidupan sehari-hari. Silakan akses juga [Sahabat Peserta Pemagangan] versi situs web.

Với mục đích giới thiệu những thông tin hữu ích liên quan tới cuộc sống hàng ngày cũng như việc tu nghiệp và thực tập kỹ năng, tờ tin này được phát hành vào những tháng chẵn (tháng 4, tháng 6, tháng 8, tháng 10, tháng 12, tháng 2). Mời các bạn truy cập vào trang web của tờ tin "Bạn của Thực tập sinh"

วารสารนี้จัดทำขึ้นเพื่อเผยแพร่ข้อมูลข่าวสารที่เป็นประโยชน์ในการฝึกปฏิบัติงานด้านเทคนิค การฝึกอบรมและการใช้ชีวิตประจำวัน โดยจะออกทุกวันที่ 1 ของเดือนคู่(เม.ย., มิ.ย., ส.ค., ต.ค., ธ.ค., ก.พ.) ทั้งนี้ "วารสารมิตรผู้ฝึกปฏิบัติงานด้านเทคนิค" ฉบับเว็บไซต์ได้เปิดให้บริการแล้วตั้งแต่เดือนมีนาคม ขอให้เข้าไปดูที่

Ang magazine na ito ay ginawa para sa mga technical intern at trainees upang mag bigay ng kapaki-pakinabang na impormasyon. Ito ay inilalabas tuwing unang araw ng even months (Abril, Hunyo, Agosto, Oktubre, Disyembre, Pebrero). Gamitin kasabay ng website bersyon ng "Kaibigan ng mga teknikal intern trainees".

ကွပ်ကဲရေးအဖွဲ့များသည် အလုပ်သမားများအား အသုံးပြုနိုင်မည့် အချက်အလက်များကို ပေးအပ်နိုင်ရန် ရည်ရွယ်ချက်ဖြင့် စုံစမ်းစစ်ဆေးမှုများ (ဧည့်သည်အလုပ်သမားအားကတ်ကားလက်ခံရေး၊ ဖေဖော်ဝါရီလ) စာ ၁ရက်နေ့တွင် ထုတ်ဝေခဲ့ပါသည်။ ဝက်ဘ်ဆိုက် မှ "အတတ်ပညာကျွမ်းကျင်မှု အလုပ်သမား၏ မိတ်ဆွေ" နှင့်လည်း တွဲဖက် အသုံးပြုပါရန်။

本冊子是以向诸位提供技能实习及研修和日常生活的有用信息为目的，在偶数月（4月・6月・8月・10月・12月・2月）的1日发行。也请大家浏览网页版「技能实习生之友」。

本冊子是以向诸位提供技能实习及研修和日常生活的有用信息为目的，在偶数月（4月・6月・8月・10月・12月・2月）的1日发行。也请大家浏览网页版「技能实习生之友」。

※冊子版「技能実習生の友」のバックナンバーは http://www.jitco.or.jp/press/bokoku_kentomo.html からダウンロードできます。

